

Bản án số: 35/2022/DS-ST  
Ngày: 27-7-2022  
*V/v “Tranh chấp về nghĩa vụ  
trả tiền trong hợp đồng hợp  
tác đầu tư cung cấp hàng  
hóa sản xuất nông nghiệp”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Khánh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hoàng
2. Bà Nguyễn Ngọc Nhuận

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Hiếu Ly – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng hợp tác đầu tư cung cấp hàng hóa sản xuất nông nghiệp*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Công ty Trách nhiệm hữu hạn A; Địa chỉ trụ sở chính: Số 101, Đường P, phường T, quận N, thành phố C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Tấn Q – Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn A.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Minh C, sinh năm 1997; Địa chỉ: Số 93, Đường Nguyễn Văn T, phường Đ, Quận X, Thành phố H. Theo văn bản ủy quyền số 057 ngày 27/6/2022.

***2. Bị đơn:*** Ông Trần Văn P, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh L.

*(Anh C và ông P cùng có đơn xin xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2022 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn A, thể hiện nội dung, yêu cầu khởi kiện tóm tắt như sau:*

Từ năm 2013, nhằm thực hiện chương trình canh đồng mơ ước, Công ty Trách nhiệm hữu hạn A cùng với ông Trần Văn P đã có hợp tác cung ứng vật tư nông nghiệp nhằm sản xuất nông sản. Đến ngày 01/4/2017, hai bên ký Hợp đồng đầu tư vật tư nông nghiệp cho nông dân số 129/HT2017, theo đó, Công ty Trách nhiệm hữu hạn A sẽ đầu tư hàng hóa, vật tư nông nghiệp cho ông P để sản xuất nông sản, số lượng vật tư do ông P đặt hàng tùy theo nhu cầu thực tế và ông P có nghĩa vụ thanh toán tiền vật tư nông nghiệp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn A vào mỗi cuối vụ, thanh toán trước hạn sẽ được thưởng, thanh toán trễ hạn phải chịu mức lãi suất 1,1%/30 ngày.

Thực hiện hợp đồng, phía Công ty Trách nhiệm hữu hạn A đã cung cấp đầy đủ, kịp thời, đúng yêu cầu về hàng hóa, vật tư nông nghiệp cho ông P. Tuy nhiên, phía ông P không thanh toán tiền hàng hóa cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn A mà cố ý chiếm dụng. Sau đó, hai bên có đối chiếu công nợ, xác định đến ngày 31/12/2021, ông P còn nợ Công ty Trách nhiệm hữu hạn A số tiền 191.055.749đ.

Do đó, Công ty Trách nhiệm hữu hạn A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P phải trả số tiền nợ là 191.055.749đ và tiền lãi chậm trả từ ngày 01/01/2022 đến ngày 19/4/2022 (ngày khởi kiện) theo mức lãi suất 1,1%/30 ngày tính trên số nợ gốc 191.055.749đ.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 21/7/2022, anh Nguyễn Minh C là đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn A có ý kiến thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện liên quan đến mức lãi suất và thời gian tính lãi, cụ thể:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn A chỉ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P phải trả số tiền nợ là 191.055.749đ và tiền lãi chậm trả từ ngày 01/01/2022 đến ngày 27/7/2022 (ngày xét xử sơ thẩm), tổng cộng là 06 tháng 27 ngày, theo mức lãi suất 10%/năm tính trên số nợ gốc 191.055.749đ, tương ứng khoản tiền lãi là 10.985.705đ. Tổng cộng cả tiền gốc và lãi là 202.041.454đ. Ngoài ra, Công ty Trách nhiệm hữu hạn A cũng yêu cầu ông P tiếp tục trả lãi chậm trả tính trên số nợ gốc theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi trả xong nợ.

*Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 28/6/2022, bị đơn Trần Văn P trình bày tóm tắt như sau:* Trong quá trình mua vật tư nông nghiệp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn A, tính đến thời điểm hiện nay, ông còn thiếu lại Công ty Trách nhiệm hữu hạn A số tiền nợ gốc là 191.055.749đ. Ông đồng ý trả số nợ trên, nhưng do hoàn cảnh khó khăn, không có khả năng trả một lần, nên xin trả dần mỗi vụ lúa là 5.000.000đ, tương ứng mỗi năm trả 15.000.000đ cho đến khi hết nợ và xin miễn trả lãi.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, qua hòa giải, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau tất cả các vấn đề cần giải quyết vụ án. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Tất cả các đương sự trong vụ án đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Công ty Trách nhiệm hữu hạn A có thay đổi, bổ sung một phần nội dung yêu cầu khởi kiện liên quan đến mức lãi suất, thời gian tính lãi. Sự thay đổi, bổ sung này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn A, thấy rằng: Đại diện nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn A và bị đơn là ông Trần Văn P đều thống nhất nội dung khoản tiền nợ gốc mua vật tư nông nghiệp mà ông P còn nợ Công ty Trách nhiệm hữu hạn A là 191.055.749đ, nên Hội đồng xét xử ghi nhận đây là sự thật. Do ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn A khởi kiện yêu cầu ông P phải trả nợ là có căn cứ, phù hợp nội dung thỏa thuận đã thỏa thuận trong hợp đồng đầu tư vật tư nông nghiệp cho nông dân số 129/HT2017 ngày 01/4/2017 mà các bên ký kết, phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 434, khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngoài ra, theo nội dung hợp đồng mà các bên đã ký kết, cũng có thỏa thuận về việc trả tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất 1,1%/30 ngày. Tuy nhiên, phía Công ty Trách nhiệm hữu hạn A xác định chỉ yêu cầu ông Phin phải trả tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất 10%/01 năm, tương ứng 0,83%/01 tháng, là đã có lợi cho ông P và cũng phù hợp quy định tại Điều 357, khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét ý kiến của ông Trần Văn P về việc xin trả dần số tiền nợ gốc và xin miễn trả tiền lãi, thấy rằng: Công ty Trách nhiệm hữu hạn A không đồng ý cho ông Phin trả dần số nợ gốc cũng như không đồng ý miễn tiền lãi. Pháp luật cũng không có quy định việc cho trả dần hay miễn trả lãi trong trường hợp bên chủ nợ không đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận ý kiến của ông P.

[2.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ buộc ông Trần Văn P có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn A khoản tiền nợ gốc là 191.055.749đ, tiền lãi chậm trả từ ngày 01/01/2022 đến ngày 27/7/2022 (ngày xét xử sơ thẩm), tổng cộng là 06 tháng 27 ngày, theo mức lãi suất 10%/năm tính trên số nợ gốc 191.055.749đ, tương ứng khoản tiền lãi là 10.985.705đ. Tổng cộng cả tiền gốc và lãi là 202.041.454đ.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Trần Văn P phải chịu án phí là 10.102.073đ. Ông Trần Văn P có đơn xin miễn giảm tiền án phí với lý do gặp sự kiện bất khả kháng, hiện nay không còn tài sản để đóng án phí, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Nhơn Ninh. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử quyết định giảm cho ông Trần Văn P 50% mức án phí phải nộp, nên ông P chỉ phải nộp 5.051.000đ (đã làm tròn số) án phí sung Ngân sách Nhà nước. Công ty Trách nhiệm hữu hạn A không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 357, Điều 434, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 13, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn A.**

Buộc ông Trần Văn P có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn A khoản tiền nợ gốc là 191.055.749đ và khoản tiền lãi chậm trả từ ngày 01/01/2022 đến ngày 27/7/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là 10.985.705đ. Tổng cộng cả tiền gốc và lãi là 202.041.454đ.

**2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/7/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án, theo mức lãi suất 10%/năm.**

**3. Về án phí:** Buộc ông Trần Văn P phải nộp số tiền 5.051.000đ án phí sung Ngân sách Nhà nước. Hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn A khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.970.000đ theo biên lai thu số 0004304 ngày 31/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh L.

**4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định định của pháp luật.**

**5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Văn Khánh**